|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0206c.N.CBCCVC** *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG**  Năm …... | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Công chức - Viên chức |

*Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức** | Mã số | Tổng số | | | | Trung ương | | | | Cấp tỉnh | | | | Cấp xã | | | |
| Tổng số | Viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Không được đánh giá, xếp loại | Tổng số | Viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Không được đánh giá, xếp loại | Tổng số | Viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Không được đánh giá, xếp loại | Tổng số | Viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý | Không được đánh giá, xếp loại |
| A | B | 1=2+3+4  =5+9+13 | 2=6+  10+14 | 3=7+  11+15 | 4=8+  12+16 | 5=6+7+8 | 6 | 7 | 8 | 9=10+  11+12 | 10 | 11 | 12 | 13=14+  15+16 | 14 | 15 | 16 |
| **Tổng số** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thành tốt nhiệm vụ | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thành nhiệm vụ | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Không hoàn thành nhiệm vụ | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu số 0206a.N.CBCCVC: Số lượng cán bộ được đánh giá, xếp loại chất lượng**

**Biểu số 0206b.N.CBCCVC: Số lượng công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng**

**Biểu số 0206c.N.CBCCVC: Số lượng viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng là tổng số cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đánh giá, xếp loại chất lượng theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Nghị định của Chính phủ về đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thống kê.

**2. Cách ghi biểu**

**Biểu số 0206a.N.CBCCVC: Số lượng cán bộ được đánh giá, xếp loại chất lượng**

Cột 1: Ghi tổng số cán bộ trung ương và địa phương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 2: Ghi tổng số cán bộ trung ương và địa phương không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 3: Ghi số cán bộ ở trung ương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 4: Ghi số cán bộ cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 5: Ghi số cán bộ cấp xã được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

**Biểu số 0206b.N.CBCCVC: Số lượng công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng**

Cột 1: Ghi tổng số công chức trung ương và địa phương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 2: Ghi tổng số công chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trung ương và địa phương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 3: Ghi tổng số công chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trung ương và địa phương được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 4: Ghi tổng số công chức trung ương và địa phương không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 5: Ghi tổng số công chức ở trung ương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 6: Ghi số công chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý ở trung ương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 7: Ghi tổng số công chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý ở trung ương được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 8: Ghi tổng số công chức trung ương không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 9: Ghi tổng số công chức cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 10: Ghi tổng số công chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 11: Ghi tổng số công chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 12 Ghi tổng số công chức cấp tỉnh không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 13: Ghi tổng số công chức cấp xã được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 14: Ghi tổng số công chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 15: Ghi tổng số công chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 16 Ghi tổng số công chức cấp xã không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

**Biểu số 0206c.N.CBCCVC: Số lượng viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng**

Cột 1: Ghi tổng số viên chức trung ương và địa phương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 2: Ghi tổng số viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trung ương và địa phương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 3: Ghi tổng số viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trung ương và địa phương được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 4: Ghi tổng số viên chức trung ương và địa phương không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 5: Ghi tổng số viên chức ở trung ương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 6: Ghi số viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý ở trung ương được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 7: Ghi tổng số viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý ở trung ương được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 8: Ghi tổng số viên chức trung ương không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 9: Ghi tổng số viên chức cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 10: Ghi tổng số viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 11: Ghi tổng số viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 12 Ghi tổng số viên chức cấp tỉnh không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 13: Ghi tổng số viên chức cấp xã được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 14: Ghi tổng số viên chức giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 15: Ghi tổng số viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã được được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

Cột 16 Ghi tổng số viên chức cấp xã không được đánh giá, xếp loại chất lượng tương ứng với các dòng của cột A

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.